

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-05-2022

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Phước Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Dòn.

2. Ông Võ Hoàng Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành -Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.**

-Ngày 10 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B,Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1978; Thường trú: 351/6 Lê Quang Sung, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện cư trú: A13/48C, KPM, thị trấn TT, huyện B,Thành Phố Hồ Chí Minh. (bà Ng có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, Thường trú: 351/6 Lê Quang Sung, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện cư trú: A13/48C, KPM, thị trấn TT, huyện B,Thành Phố Hồ Chí Minh. (ông D có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 03 năm 2021, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống vợ chồng từ năm 2011, và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyển số 01/2010 ngày 03 tháng 06 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời

gian đầu hạnh phúc và có 02 con chung gồm: Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 11/07/2001 đã trưởng thành; Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn đã nhiều lần bà muốn ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ, nay ông D đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mẹ con bà phải chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống riêng vợ chồng ly thân và không ai còn quan tâm đến ai.

-Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn D và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn ông D để bà ổn định cuộc sống riêng làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 con chung gồm: Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 10/07/2001 ( đã trưởng thành); Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011; Nay ly hôn bà Ng đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Minh A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu để hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:** Ông cũng xác nhận phần trình bày của bà Ng về thời gian chung sống vợ chồng và việc đăng ký kết hôn cũng như việc vợ chồng có hai con chung là đúng sự thật, bản thân ông cũng không muốn ly hôn và giải quyết vấn đề tài sản chung vợ chồng luôn, ông cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vừa qua vợ chồng có mâu thuẫn. Về tình cảm ông cũng xác nhận bà Ng không còn tình với ông là đúng, nhưng bản thân ông vẫn còn thương vợ không muốn ly hôn và không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng cho ông được đoàn tụ.

***\*Tại phiên tòa hôm nay:***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày và xác nhận vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và khẳng định không thể chung sống vợ chồng với ông Nguyễn Văn D; Về con chung là trẻ Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011 bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi con; Về tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày các nhận những nội dung trên của bà Ng là đúng, ông đồng ý ly hôn và có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng; Về con chung là trẻ Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011 ông cũng đồng ý giao con cho bà Ng nuôi; Về cấp dưỡng hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng; Về nợ chung ông xác nhận không có;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thẩm quyền giải quyết:**

- Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông D hiện đang cư trú tại A 13/48C, KPM, thị trấn TT, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **[2]. Về thủ tục tố tụng:**

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Ng được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông D có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyển số 01/2010 ngày 03 tháng 06 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

### **[3]. Về nội dung tranh chấp:**

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim Ng về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn D là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

#### **[3.2]. Về nội dung tranh chấp:**

Xét đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim Ng về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn D là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện cũng như phần trình bày và xác nhận của bà Ng, ông D tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay; Thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà Ng và ông D đã thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm ông D thường xuyên nghi ngờ ghen tuông nhiều lần đánh đập bà và các con phải ra ngoài thuê nhà sống hiện nay không ai còn quan tâm đến ai. Mặc khác cả hai cũng thừa nhận vợ chồng hiện đã ly thân một thời gian do đó không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà Ng yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn ông D để ổn định cuộc sống của mỗi người là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

- Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, xét thấy chưa được Tòa án thụ lý yêu cầu này và không thuộc phạm vi khởi kiện trong vụ án này. Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định tại Điều 200 quy định về quyền của bị đơn “Yêu cầu của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập” nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông D không làm đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét, ngoài lời khai trình bày của ông D cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho những phần trình bày trên là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

- Xét về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 10/07/2001 (đã trưởng thành); Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011. Hai bên thỏa thuận. Giao cả trẻ Nguyễn Minh Kh cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, việc hai bên tự thỏa thuận việc nuôi con là tự nguyện không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Ng.

- Xét về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Ng ông D xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim Ng phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng( ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081277, ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu án

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:Bà Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyền số 01/2010 ngày 03 tháng 06 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm 1/Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 10/07/2001( đã trưởng thành); 2/Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/11/2011.

Giao trẻ Nguyễn Minh A cho bà Nguyễn Thị Kim Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con chung, các bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết

thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.
- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.
- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim Ng phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081277, ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Văn D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi Nhận:**

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;
- UBND PC,QS,TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**Lại Phước Trường**